

Số: 187 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 12/2023/CPL.HN-CV ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam, địa chỉ tại Khu công nghiệp Thanh Liêm, xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II – tỉnh Hà Nam” tại các xã Thanh Thủy, Thanh Phong, Thanh Hà và thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm và phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II – tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thanh Thủy, Thanh Phong, Thanh Hà và thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm và phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.3. Quyết định chủ trương đầu tư do Thủ tướng Chính phủ cấp tại Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700825207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3185816261 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 0700825207.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp; ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào khu công nghiệp được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	26
2	Sản xuất thiết bị điện	27
3	Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	28
4	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
5	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
8	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
9	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	293
10	Dệt (không nhuộm)	13
11	Sản xuất trang phục	14
12	Sản xuất giày dép	152
13	Sản xuất, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	10
14	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất xi măng)	239 (trừ mã ngành 23941)
15	Sản xuất kim loại màu	24202
16	Đúc kim loại màu	2432
17	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom rạ và vật liệu tết, bện	16
18	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
19	Sản xuất plastic nguyên sinh	20131
20	Sản xuất sản phẩm từ plastic	222
21	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	323
22	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (sản xuất đồ dùng dạy học)	329
23	Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	20132
24	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự (không bao gồm dự án sản xuất matit)	20221
25	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
26	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	21
27	Sản xuất sản phẩm từ cao su	221
28	Sản xuất khí công nghiệp	20111
29	Kho bãi, lưu trữ hàng hóa	521

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí môi trường tương đương Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ
- Tổng diện tích: 1.421.328 m²; trong đó diện tích đã hoàn thành thi công san nền là 1.291.288 m².
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày 09 tháng 6 năm 2023 đến ngày 08 tháng 6 năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- UBND tỉnh Hà Nam (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Hà Nam;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam;
- Lưu: VT, KSONMT, Đ.12

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh tại Trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

1.2. Nguồn số 2: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp tại khu vực thuộc Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II do Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam quản lý. Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp được xử lý sơ bộ tại các cơ sở đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải theo hợp đồng thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam trước khi thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II (do Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam quản lý).

1.3. Nguồn số 3: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp tại Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn I do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam quản lý (trừ Công ty TNHH MTV Hoa sen Hà Nam và Nhà máy Number One Hà Nam đã được cấp Giấy phép xả thải riêng). Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải theo hợp đồng thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam mới được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

1.4. Nguồn số 4: Từ hệ thống pha hóa chất tại Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.5. Nguồn số 5: Từ phòng thí nghiệm tại Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh TB6 thuộc địa phận Khu công nghiệp Thanh Liêm, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại 01 điểm xả vào kênh TB6 sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam tại Khu công nghiệp Thanh Liêm, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2266362; Y = 594007 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.000 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được quan trắc tự động, liên tục trước khi tự chảy ra kênh TB6 theo phương thức xả mặt.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 1,0$ và $K_f = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	2.000	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	pH	-	6-9		
4	COD	mg/l	67,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
7	Tổng nitơ	mg/l	18		
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	3,6		Không áp dụng
9	BOD5	mg/l	27		
10	Màu	Pt/Co	50		
11	Asen	mg/l	0,045		
12	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
13	Chì	mg/l	0,09		
14	Cadimi	mg/l	0,045		
15	Crom (VI)	mg/l	0,045		
16	Crom (III)	mg/l	0,18		
17	Đồng	mg/l	1,8		
18	Kẽm	mg/l	2,7		
19	Niken	mg/l	0,18		
20	Mangan	mg/l	0,45		
21	Sắt	mg/l	0,9		
22	Tổng xianua	mg/l	0,063		
23	Tổng phenol	mg/l	0,09		
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
25	Sunfua	mg/l	0,18		
26	Florua	mg/l	4,5		
27	Clorua	mg/l	450		
28	Clo dư	mg/l	0,9		
29	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh trong khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn trước khi

thu gom về bể điều hòa của mô đun xử lý nước thải số 1 của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

1.1.2. Nước thải sản xuất:

- Nước thải từ các nguồn số 2 và số 3: Được xử lý sơ bộ tại các cơ sở đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nổi; sau đó được thu gom vào theo các đường ống thu gom nước thải về bể gom nước thải và được bơm về bể điều hòa của mô đun số 1 của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

- Nước thải từ nguồn số 4 và số 5: được thu gom theo đường ống thu gom nội bộ về bể điều hòa của mô đun xử lý nước thải số 1 của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp, khu vực vệ sinh, khu vực pha hóa chất và phòng thí nghiệm tại Nhà điều hành của trạm xử lý nước thải tập trung → bể gom → bể điều hòa → bể axit hóa → bể kiềm hóa → bể đông tụ → bể keo tụ → bể ổn định → bể lắng sơ cấp → bể trung gian → bể anoxic → bể aeroten → bể lắng thứ cấp → bể điều chỉnh pH → bể khử màu → bể đông tụ → bể keo tụ → bể lắng màu → bể khử trùng → bể sinh học → mương quan trắc → kênh TB6 → sông Dáy.

- Công suất thiết kế: 01 mô đun xử lý nước thải có công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: NaOCl 8%; NaOH 32%; PAC 32%; A-Polymer; Cơ chất; C-Polymer; H₂SO₄ (50%); FeSO₄ (50%); Hóa chất khử màu; Đường Dextrose Monohydrate (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra); nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni,

- Thiết bị lấy mẫu tự động: có.

- Camera giám sát: Đã lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Công ty đã lắp đặt và truyền thử số liệu quan trắc nước thải tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam theo Biên bản làm việc ngày 24 tháng 06 năm 2022 giữa đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam và Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố có dung tích 4.000 m³ (thể tích xây dựng là 6.643 m³) để ứng phó khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố. Thành bể được lót lần lượt bằng lớp bê tông, vải địa kỹ thuật và màng HDPE; phía trên được kê đá hộc chèn vừa xi măng. Đáy được lót bằng vải địa kỹ thuật và màng HDPE, phía trên rải đá dăm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó sự cố.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực Trạm xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Khi mô đun xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong hồ sự cố với dung tích thiết kế khoảng 4.000 m³ để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại 01 bể sự cố dung tích 4.000 m³ thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý theo quy trình của Công ty xây dựng, cụ thể như sau:

- Khi nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định, đóng cửa xả để ngăn không cho nước thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận.

- Mở các van tháo nước thải từ các bể xử lý về hồ sự cố. Đồng thời, nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp, sau khi thu về bể gom, cũng được dẫn về hồ sự cố.

- Tìm hiểu và khắc phục các sự cố, hỏng hóc tại trạm xử lý nước thải của dự án. Các sự cố điển hình tại hệ thống xử lý nước thải của dự án và biện pháp khắc phục bao gồm:

+ Sự cố hỏng các máy móc, thiết bị cơ khí (như bơm nước thải, bơm bùn, bơm hóa chất, máy thổi khí...): Thay thế các thiết bị hỏng bằng các thiết bị dự phòng có sẵn;

+ Sự cố bùn thải và nổi váng bọt tại bể lắng sơ cấp và bể lắng thứ cấp: Tăng cường tháo bùn ra khỏi bể lắng; sử dụng vòi phun khí hoặc nước áp lực cao để thông tắc đường ống; tăng lượng và nồng độ hóa chất keo tụ; thay thế tấm gạt tay cào bùn nếu cần thiết; thường xuyên kiểm tra và nạo vét hệ thống cống thoát nước thải;

+ Sự cố hệ thống vi sinh tại bể xử lý sinh học: Kiểm tra các thành phần độc tố trong nước thải đầu vào; điều chỉnh lượng không khí cấp vào bể; điều chỉnh dòng tuần hoàn từ bể hiếu khí về bể anoxic; tăng cường đảo trộn trong bể xử lý sinh học; xịt phá vỡ bọt bằng đầu phun nước.

- Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước thải từ hồ sự cố về bể điều hòa của trạm xử lý nước thải và tiến hành quá trình xử lý nước thải từ dự án. Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn sẽ được xả ra nguồn tiếp nhận.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Nước thải phát sinh từ các nhà máy trong khu công nghiệp phải được xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối và thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5 đến 9
3	Màu	Pt/Co	150
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photơ pho (tính theo P)	mg/l	6

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Mô đun số 1 của Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 2.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải đầu vào: tại bể điều hòa của mô đun xử lý nước thải số 1.

+ Nước thải đầu ra (sau xử lý): tại mương quan trắc chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (theo đề nghị và cam kết của chủ dự án đầu tư), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải vận hành thử nghiệm) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải vận hành thử nghiệm) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án, các cơ sở thứ cấp tại khu vực thuộc Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II (do Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam quản lý) và các cơ sở đầu tư thứ cấp tại Khu công nghiệp Thanh Liêm – Giai đoạn I (do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam quản lý) bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung trong quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của khu công nghiệp. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Công ty chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm ổn định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động liên tục.

3.8. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hệ thống máy bơm và máy nén khí tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2266405; Y = 594004 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
2	Pin và ắc quy thải	16 01 12	10
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	50
Tổng khối lượng			70

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác tách ra từ công đoạn tách rác trong mô đun xử lý nước thải	12 06 09	7.300
Tổng khối lượng			7.300

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
Chất thải rắn sinh hoạt	1,8
Tổng khối lượng	1,8

1.4. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải (KS)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	5
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	200.000
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	100
4	Bao bì bằng nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	50
5	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác	18 01 04	50
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay chứa thành phần nguy hại	18 02 01	40
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	100
Tổng khối lượng			200.345

Việc phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát khác (như hộp mực in thải có thành phần nguy hại; bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công

nghiệp;) được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Kho chứa bùn thải:

- 01 Kho chứa bùn thải diện tích 9 m².

- Kho được xây dựng tường gạch, trát vữa xi măng, nền đổ bê tông đánh bóng mặt chống thấm, mái lợp tôn và cửa ra vào bố trí gờ chắn nước, có rãnh thu nước thải, phía ngoài cửa kho có bố trí bảng tên và biển cảnh báo.

2.1.2. Kho chứa CTNH:

- 01 kho chứa CTNH có diện tích 7,5 m².

- Kho được xây dựng tường gạch, trát vữa xi măng, nền đổ bê tông đánh bóng mặt chống thấm, mái lợp tôn và cửa ra vào bố trí gờ chắn nước, có rãnh thu nước thải kích thước, phía ngoài cửa kho có bố trí bảng tên và biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy 200 lít.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng composite dung tích 120 lít, 200 lít.

- Bao bì mềm PE, PP hai lớp.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, điều 124, điều 125 và điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP *lt*

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Theo Quyết định số 3518/QĐ-BTNMT ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Liêm” của Công ty Cổ phần bất động sản Capella, thực hiện tại các xã Thanh Thủy, Thanh Phong, Thanh Hà, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm và phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; các hạng mục, công trình của dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường bao gồm:

- San lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải phục vụ cho phần diện tích đất công nghiệp còn lại của dự án là 130.040 m².

- Xây dựng khu nhà điều hành của dự án và hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh;

- Xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung đạt tới công suất thiết kế đã được phê duyệt (7.600 m³/ngày đêm) theo tiến độ thu hút các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp vào khu công nghiệp: Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp, khu vực vệ sinh, khu vực pha hóa chất và phòng thí nghiệm tại nhà điều hành của trạm xử lý nước thải tập trung → bể gom → bể điều hòa → bể axit hóa → bể kiềm hóa → bể đông tụ → bể keo tụ → bể ổn định → bể lắng sơ cấp → bể trung gian → bể anoxic → bể aeroten → bể lắng thứ cấp → bể điều chỉnh pH → bể khử màu → bể đông tụ → bể keo tụ → bể lắng màu → bể khử trùng → bể sinh học → mương quan trắc → kênh TB6 → sông Đáy.

- Khớp nối hạ tầng kỹ thuật và xây dựng các trạm bơm chuyển tiếp nước thải từ khu vực Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn I (do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam quản lý) về trạm XLNT tập trung tại khu vực Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II (do Công ty TNHH đầu tư Capella Hà Nam quản lý).

- Xây dựng các công trình phụ trợ bao gồm: hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; các công trình cây xanh, cảnh quan theo quy định.

2. Sau khi hoàn thành các hạng mục sản xuất và công trình bảo vệ môi trường, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành .

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /*ct*